

Bản án số: **07/2024/HS-ST**

Ngày: 21 - 11 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Thẩm phán: Ông Lê Quang Toại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoài Trung

Ông Bùi Trung

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Võ Công M, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1995 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Tổ G, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ H (Chết) và bà Hà Thị X, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 18/3/2023, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09/3/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Võ Công M: Ông Phan H1 – Luật sư Văn phòng L4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Xóm B, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Ngọc Diệu H2, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1992 tại tỉnh Kon Tum; nơi thường trú: 295/79 Phạm Văn Đ, tổ A, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nơi tạm trú: Đường số A, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1964 và bà Ngô Thị T1, sinh năm 1966; chồng: Đinh Đức L, sinh năm 1991, có 02 con: Lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 18/3/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo tại ngoại, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2: Bà Bùi Thị S – Luật sư Văn phòng L5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số H L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

3. *Họ và tên:* Trần P, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1989 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: Tổ dân phố số G, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình M1, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị L1, sinh năm 1965; vợ: Trịnh Thị Hồng V (đã ly hôn), có 02 con: Lớn nhất sinh năm 2015; nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 08/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tuyên phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023, đến ngày 02/11/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo bị bắt, tạm giam lại từ ngày 18/9/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Đỗ Trần Duy A, sinh ngày: 13/02/1996; nơi thường trú: Tổ H, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. Anh Lê Trọng H3, sinh ngày: 20/01/1994; nơi thường trú: Số A đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đặng Thế B, sinh ngày: 13/8/1984; nơi cư trú: Ngõ B Chùa T, thị xã S, Thành phố Hà Nội.

2. Anh Tống Hồng M2, sinh ngày: 27/6/1992; nơi cư trú: BT5-04, KĐTM A, phường D, quận H, Thành phố Hà Nội.

3. Anh Nguyễn Duy L2, sinh ngày: 30/9/1983; nơi cư trú: B1609, CT2, Trung tâm hành chính mới, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

4. Anh Nguyễn Văn T2, sinh ngày: 05/7/1987; nơi cư trú: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Bà Hà Thị X, sinh ngày: 12/7/1972; nơi cư trú: Tổ G, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 6/2022, thông qua hội nhóm “Mua bán xe N - Lào” trên mạng xã hội Facebook, Bùi Ngọc Diệu H2 kết bạn với Trần P và Võ Công M. H2 và P thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội Zalo, T3, P đặt vấn đề với H2 về việc tìm xe không giấy tờ, xe thuê, xe án để mua. Khi biết P có nhu cầu mua các loại xe trên, H2 nói với M về việc P cần mua xe không giấy tờ, xe thuê, xe án thì M nhờ H2 liên hệ với P cần mua những loại xe gì, với số tiền bao nhiêu thì M sẽ tìm xe bán cho bị cáo P. H2 liên hệ với P thì P xác định cần mua xe ô tô loại CX5, M và giao xe tại Hà Nội. H2 yêu cầu P đặt cọc tiền thì sẽ có người giao xe tại Hà Nội, thì P đồng ý. P chuyển khoản cho H2 tổng số tiền 28.000.000 đồng để đặt cọc mua xe.

Sau khi nhận tiền đặt cọc mua xe của P, H2 chuyển khoản số tiền 23.900.000 đồng cho M. Sau đó, M thông qua mạng xã hội F liên hệ với một người không rõ lai lịch đặt làm giả 02 biển số xe ô tô 30 ... (không nhớ các số sau), 01 căn cước công dân và 01 Giấy phép lái xe cùng mang tên Trần Hoàng H4 (sinh ngày 10/8/1995; trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Sau khi nhận được Căn cước công dân; Giấy phép lái xe và biển số xe ô tô giả, ngày 12/01/2023, M gọi điện thoại cho anh Đỗ Trần Duy A (sinh năm: 1996; trú tại: Tổ H, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) hỏi thuê xe ô tô tự lái thì anh A đồng ý. Sau đó, M đến nhà anh A để thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 76A-169.45 của anh A, M sử dụng căn cước công dân và Giấy phép lái xe giả nói trên đưa cho anh A để lập hợp đồng thuê xe với thỏa thuận M thuê xe 02 ngày, đi trong tỉnh Quảng Ngãi, tiền thuê xe 1.000.000 đồng/ngày (từ 21 giờ 45 phút ngày 12/01/2023 đến 21 giờ ngày 14/01/2023) anh A chụp lại hình căn cước công dân, giấy phép lái xe xong đưa lại cho Minh giữ. M chuyển khoản cho anh A số tiền 7.000.000 đồng, trong đó tiền thuê xe 2.000.000 đồng, tiền đặt cọc xe là 5.000.000 đồng. M nhận xe ô tô biển số 76A-169.45 từ anh A và điều khiển xe ra hướng Bắc quốc lộ A đón Nguyễn Văn H5 (sinh ngày 27/12/1992; trú tại: Khu I, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ) cùng đi. Khi đến địa phận huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, M dừng xe, tháo bỏ biển số 76A-169.45, gắn biển số xe giả 30 ... (những số sau không nhớ), cắt dây điện của hệ thống định vị xe, vứt bỏ căn cước công dân, giấy phép lái xe giả nói trên.

Trên đường đi, M gọi điện thoại cho H2 nói nội dung M đã lừa được 01 xe ô tô Mazda 3 màu trắng, biển số 76 (Quảng Ngãi) và bảo H2 liên hệ với P để bán xe. H2 gọi điện thoại qua telegram cho P nói nội dung là em của H2 dùng giấy tờ giả thuê được 01 xe ô tô Mazda 3 màu trắng, biển số 76 (Quảng Ngãi) và cần bán thì P đồng ý mua xe ô tô trên với giá 140.000.000 đồng và nói giao xe tại Thành phố Hà Nội, H2 đồng ý thì P gửi vị trí và số điện thoại của bị cáo P qua điện thoại cho H2, sau đó H2 chuyển thông tin trên cho M để M ra Hà Nội liên lạc và giao xe cho P.

Khoảng 23 giờ ngày 13/01/2023, M điều khiển xe đến khu vực sân vận động M4 gặp P để giao xe, P chuyển vào tài khoản của H2 số tiền 112.000.000 đồng (trước đó P đã đặt cọc số tiền 28.000.000 đồng). Sau khi H2 nhận tiền thì M bảo

H2 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng (không nhớ số tài khoản) của Nguyễn Văn H5 số tiền 38.000.000 đồng và H2 chuyển tiền vào nhiều tài khoản của M (không nhớ số tài khoản) với tổng số tiền 102.000.000 đồng.

Sau khi mua xe Mazda 3, thông qua mạng xã hội Facbook, P đặt làm giả giấy đăng kiểm và biển số xe ô tô 30 ... (không nhớ các số sau), P gắn vào xe ô tô trên, sau đó đăng bán chiếc xe này trên mạng xã hội Facbook trong hội nhóm xe “Xe Ngân - Lào - Cam” thì anh Đặng Thế B (sinh ngày 13/4/1984; trú tại: phường P, thị xã S, Thành phố Hà Nội) liên hệ với P qua mạng xã hội F để thỏa thuận mua với giá 190.000.000đồng. Sau đó, anh B giới thiệu cho anh Tống Hồng M2 (sinh năm 1992 ở BT5-04, KĐT M A, phường D, quận H, Thành phố Hà Nội) xe này giá 225.000.000 đồng, sau đó Tống Hồng M2 môi giới cho anh Nguyễn Duy L2 (sinh ngày 30/9/1983; trú tại: B- Trung tâm hành chính mới, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội) mua xe với giá 250.000.000đồng. Sau đó, B cùng anh L2 gặp P xem xe. Trong lúc xem xe và trao đổi thì P nói với B là xe ô tô Mazda 3 này là xe MBC (mẹ bông con có nghĩa là 01 biển số gắn trên 02 xe cùng nhãn hiệu và chủng loại, trong đó có 01 xe có giấy tờ hợp pháp), xe có biển số và giấy đăng kiểm. (B và anh L2 không biết xe ô tô trên là do người khác phạm tội mà có). Sau khi xem xe xong, anh L2 đồng ý mua xe và đưa cho B số tiền 245.000.000đồng. B chuyển khoản cho P 189.000.000đồng, chuyển khoản cho Tống Hồng M2 20.000.000đồng. Sau đó B nhận xe từ P và giao xe cho anh L2.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTS ngày 20/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Ngãi kết luận: xe ô tô Mazda 3, màu trắng, biển số 76A-169.45 có giá trị là 639.336.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng giữa năm 2022, thông qua mạng xã hội Facbook Võ Công M kết bạn với một thanh niên tên L3 (không rõ nhân thân, lai lịch). M và L3 trao đổi và thống nhất với nhau khi nào L3 dùng giấy tờ giả lừa đảo chiếm đoạt được xe ô tô thì gọi điện thoại cho M để cùng đem xe đi bán. Ngày 22/02/2023, L3 dùng căn cước công dân giả có số 008099000034 và giấy phép lái xe giả đều mang tên Nguyễn Tuấn M3 (sinh năm 1999, trú tại tổ C, cụm D K, T, Hà Nội) đến Công ty TNHH H6 của anh Lê Trọng H3 ở B M 02, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng thuê xe ô tô hiệu Mazda CX5, màu trắng, biển số 30H-307.48. Sau đó, L3 gọi điện cho M thông báo là đã lừa được xe ô tô này, M hẹn gặp L3 tại siêu thị B2, thành phố H.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, L3 điều khiển xe ô tô trên đến đón M tại Siêu thị B2 và cả hai đi ra hướng Thành phố Hà Nội, khi cách thành phố H khoảng 30 km thì dừng xe, M cắt bỏ định vị và cùng L3 thay 02 biển số giả 30G-379.59 vào xe và tháo bỏ 02 biển số 30H-307.48. Sau đó, M gọi điện thoại cho H2 nói đang có 01 xe ô tô CX5, màu trắng lừa ở thành phố Đà Nẵng và bảo H2 hỏi P có mua không, H2 liên lạc với P thì P đồng ý mua với giá 160.000.000 đồng, chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng cho H2 để đặt cọc và P nhấn số điện thoại cho H2 đưa M để khi M đem xe ra đến Thành phố Hà Nội thì liên lạc với P giao xe.

Khi M và L3 đi xe đến Thành phố Hà Nội thì M trực tiếp giao xe cho P tại khu vực sân vận động M4. Sau khi nhận xe, P chuyển khoản số tiền 155.000.000 đồng cho H2. Sau đó, H2 chuyển khoản 15.000.000 đồng cho M để M và L3 đi máy bay về Thành phố Hồ Chí Minh và theo yêu cầu của M, H2 chuyển tiền cho

L3 vào tài khoản ngân hàng của một người (không nhớ tên, số tài khoản) số tiền 90.000.000 đồng và M nhờ H2 chuyển khoản để trả nợ cho ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1987, ở khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) số tiền 40.000.000 đồng, còn H2 giữ lại 10.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Sau khi nhận xe từ M, P mang xe ô tô trên đến sửa chữa tại gara ô tô Việt ở Lô I, KĐT Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội, ngày 24/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, thành phố Đà Nẵng đã thu giữ xe ô tô Mazda CX5 nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận N, thành phố Đà Nẵng, kết luận xe ô tô Mazda CX5, màu trắng, biển số 30H- 307.48 có giá trị là 746.000.000 đồng.

*** Kết quả giám định**

- Tại bản Kết luận giám định số 1138/KL-KTHS ngày 21/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết quả đã trích xuất dữ liệu trong điện thoại di động của Đặng Thế B, Tống Hồng M2, Võ Công M và Bùi Ngọc Diệu H2 trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến ngày 04/4/2023 (có phụ lục kèm theo).

+ Đối với điện thoại di động mặt sau có chữ “G”, màu đen của Đặng Thế B và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Tống Hồng M2, kết quả giám định xác định không có nội dung liên quan đến việc phạm tội (Bút lục 149-158 và bút lục 247-251).

+ Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng của Võ Công M và điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno6 Z 5G, màu đen của Bùi Ngọc Diệu Hương xác định có nội dung liên quan trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

- Tại bản Kết luận giám định số 07/KL-KTHS, ngày 17/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng của Võ Công M và điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno6 Z 5G, màu đen của Bùi Ngọc Diệu Hương trích xuất được dữ liệu tin nhắn, cuộc gọi giữa M và H2 qua ứng dụng Telegram.

Tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 04/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Võ Công M, Bùi Ngọc Diệu H2 về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần P về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Võ Công M, Bùi Ngọc Diệu H2 phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; bị cáo Trần P phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Công M từ 10 đến 11 năm tù.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2 từ 7 đến 8 năm tù.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần P từ 7 đến 8 năm tù.

Về phần dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính; do chưa xác định được đối tượng L3, nên đối với số tiền bị cáo M yêu cầu bị cáo H2 chuyển cho đối tượng tên L3 buộc bị cáo M phải nộp sung ngân sách Nhà nước.

Ý kiến bào chữa của Luật sư Phan Hoàng cho bị cáo Võ Công M: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt như truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến bào chữa của Luật sư Bùi Thị S cho bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt như Viện kiểm sát đã truy tố. Luật sư hoàn toàn thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, mong Hội đồng xét xử xem xét thêm cho hoàn cảnh của bị cáo H2, bị cáo có 02 con nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ, bị cáo còn sắp sinh con, đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, 4 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[II] Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Công M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2, Trần P, lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Công M quen biết với bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2, đối tượng Nguyễn Văn H5 và L3 thông qua mạng xã hội. Bị cáo M và bị cáo H2 thỏa thuận khi bị cáo M sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt được xe ô tô thì bị cáo H2 sẽ giới thiệu người mua. Trong tháng 01/2023 bị cáo M đã đặt làm căn cước công dân và Giấy phép lái xe giả thuê xe của anh Đỗ Trần Duy A và cùng đối tượng Nguyễn Văn H5 chiếm đoạt xe Mazda 3, màu trắng, biển số 76A-169.45 trị giá 639.336.000 đồng của anh A. Cũng với thủ đoạn này, bị cáo M đã cùng đối tượng L3 chiếm đoạt xe Mazda CX5, màu trắng, biển số 30H-307.48 của anh Lê Trọng H3 trị giá 746.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.385.336.000 đồng. Sau đó, bị cáo M thông báo cho bị cáo H2 là đã lừa được xe, bị cáo H2 liên lạc với bị cáo P để bán xe, bị cáo P biết rõ 02 xe ô tô là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua xe Mazda3 với giá 140.000.000 đồng (số tiền này được các bị cáo chia nhau cụ thể như sau: bị cáo M 102.000.000 đồng, đối tượng Nguyễn Văn H5 38.000.000 đồng) sau khi mua xe, thông qua anh Đặng Thế B bị cáo P đã bán xe này cho anh Nguyễn Duy L2 với giá 189.000.000 đồng; bị cáo P mua xe CX5 với giá 160.000.000 đồng (số tiền này được chia cụ thể như sau: bị cáo M 60.000.000 đồng, đối tượng L3 90.000.000 đồng, bị cáo H2 10.000.000 đồng).

Hành vi của các bị cáo Võ Công M và Bùi Ngọc Diệu H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; hành vi của bị cáo Trần P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Hành vi của các bị cáo ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội nên phải bị xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 12/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo Võ Công M, Bùi Ngọc Diệu H2 phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo M là người trực tiếp đặt làm giấy tờ giả để sử dụng lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vai trò của bị cáo M trong vụ án cao hơn bị cáo H2 nên phải bị áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn.

[2] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[2.1] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình mỗi bị cáo đã bồi thường cho bị hại Đỗ Trần Duy A số tiền 10.000.000 đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; gia đình bị cáo Võ Công M nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại Lê Trọng H3; bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2 là phụ nữ có thai; gia đình các bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2, Trần P có công cách mạng. Vì vậy, các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Võ Công M, Bùi Ngọc Diệu H2, Trần P đều bị áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3] Về phần dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho các bị hại, bị hại Đỗ Trần Duy A đã nhận tiền bồi thường của các bị cáo và bãi nại, không yêu cầu về phần dân sự; tại phiên tòa ngày 30/9/2024 bị hại Lê Trọng H3 có yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng không có yêu cầu cụ thể và không cung cấp chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Bị hại Lê Trọng H3 có quyền yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại theo thủ tục tố tụng dân sự.

[4] Về biện pháp tư pháp:

[4.1] 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng; số Imei: 354868094290790 là điện thoại của bị cáo Võ Công M sử dụng vào việc phạm tội. Do đó tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Đối với các khoản tiền do phạm tội mà có, buộc các bị cáo phải nộp sung ngân sách nhà nước. Đối với khoản tiền bị cáo Võ Công M yêu cầu bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2 chuyển cho đối tượng tên L3, hiện nay không xác định được nhân thân, lai lịch nên buộc bị cáo M phải chịu trách nhiệm nộp lại số tiền này. Khi nào xác minh được đối tượng L3 và việc chuyển tiền thì bị cáo M có quyền yêu cầu đối tượng L3 hoàn trả. Đối với số tiền thu lợi bất chính của đối tượng Nguyễn Văn H5 sẽ được giải quyết khi xác định được đối tượng H5.

Như vậy, bị cáo Võ Công M phải nộp 252.000.000 đồng, bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2 phải nộp 10.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với đối tượng Nguyễn Văn H5: Sau khi Võ Công M lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô 76A-169.45 thì M lái xe đón H5 để cùng đi Hà Nội bán xe, trên đường đi, H5 cùng M tháo bỏ định vị và lắp biển kiểm soát giả vào xe ô tô này, sau đó M bán xe cho Trần P giá 140.000.000 đồng, H5 được chia 38.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã tiến hành xác minh, xác định người có ảnh trong căn cước công dân và giấy phép lái xe giả mà anh Đỗ Trần Duy A chụp lại hình để lưu trong hợp đồng thuê xe ô tô là Nguyễn Văn H5 (sinh ngày 27/12/1992; trú tại: Khu I, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ). Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình của Nguyễn Văn H5 không biết hiện nay H5 làm gì, ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q chưa làm việc được. Đồng thời, qua điều tra, bản thân Võ Công M và Bùi Ngọc Diệu H2 không nhớ số tài khoản của Nguyễn Văn H5. Vì vậy, chưa có căn cứ xác định H5 có đồng phạm trong vụ án hay không, nếu có thì vai trò như thế nào. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q tiếp tục xác minh, khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Đối với đối tượng tên L3: Sau khi L3 lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô 30H-307.48 thì M cùng với L3 đi H7 bán xe, trên đường đi, M cùng L3 tháo bỏ định

vị và lắp biển kiểm soát giả vào xe ô tô này, sau đó M bán xe cho Trần Phương giá 160.000.000đồng, L3 được chia 90.000.000 đồng.

Qua điều tra, bản thân Võ Công M và Bùi Ngọc Diệu H2 chỉ biết L3 thông Q mạng xã hội facebook, không biết cụ thể L3 là ai, ở đâu, có nhân thân lai lịch như thế nào, không nhớ số tài khoản đã chuyển tiền cho L3.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và Công an tỉnh Q đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng chưa xác định được thông tin, lai lịch của người này nên không đủ căn cứ để điều tra làm rõ, xử lý đối với người phạm tội.

[8] Đối với Đặng Thế B, Tống Hồng M2 và Nguyễn Duy L2:

Qua điều tra thể hiện: P không nói cho anh B, anh M2, anh L2 xe ô tô Mazda 3 này do phạm tội mà có, đồng thời, trong lúc xem xe và trao đổi thì P nói với B xe này là xe mẹ bông con (có nghĩa là 01 biển số gắn trên 02 xe cùng nhãn hiệu và chủng loại, trong đó có 01 xe có giấy tờ hợp pháp) và xe có biển số cùng giấy đăng kiểm. Bản thân anh B, anh M2 và anh L2 không biết xe ô tô trên là do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Đặng Thế B, Tống Hồng M2 và Nguyễn Duy L2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng pháp luật.

[9] Lời khai của bị cáo Võ Công M, bị hại Đỗ Trần Duy A tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày 30/9/2024 phù hợp với bản chụp Căn cước công dân, Giấy phép lái xe, ảnh chụp và hợp đồng cho thuê xe tự lái (Bút lục 24 - 28) do bị hại Đỗ Trần Duy A cung cấp; bản chụp Căn cước công dân do Ngân hàng M5 cung cấp (Bút lục số 77). Tuy không thu thập được bản gốc Căn cước công dân và Giấy phép lái xe ghi tên Trần Hoàng H4 do bị cáo Võ Công M sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng, biển số 76A-169.45, nhưng có đủ căn cứ xác định bị cáo M sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Lời khai của bị cáo Võ Công M có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ngày 30/9/2024 thể hiện bị cáo bàn bạc với đối tượng tên L3 về việc làm giả Căn cước công dân, Giấy phép lái xe để lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô. Khi công an quận N, thành phố Đà Nẵng ghi lời khai, bị cáo M khai các giấy tờ giả này do bị cáo lấy ảnh của đối tượng L3, đặt một đối tượng tên T5 (trên mạng xã hội) làm giả, sau đó giao cho L3 để sử dụng lừa đảo chiếm đoạt tài sản; sau đó bị cáo M thay đổi lời khai cho rằng giấy tờ do đối tượng L3 tự đặt làm; Căn cước công dân do bị hại Lê Trọng Hoàng cung cấp ghi tên Nguyễn Tuấn M3, qua giám định là giả. Các bị cáo Võ Công M, Bùi Ngọc Diệu H2 và đối tượng L3 đều thống nhất việc dùng giấy tờ giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô.

Vì vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo bị cáo Võ Công M cùng đồng phạm đã có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Võ Công M và Bùi Ngọc Diệu H2 phải được điều tra làm rõ, khởi tố, truy tố để xét xử trong vụ án này. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Võ Công M và Bùi Ngọc Diệu H2. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Võ Công

M, Bùi Ngọc Diệu H2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục điều tra làm rõ hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự của bị cáo Võ Công M và đồng phạm.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo Võ Công M, Bùi Ngọc Diệu H2 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Võ Công M, Bùi Ngọc Diệu H2 và Trần P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Công M, Bùi Ngọc Diệu H2 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, bị cáo Trần P phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 .

Xử phạt bị cáo Võ Công M 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (09/3/2023).

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần P 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (18/9/2024) được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023 đến ngày 02/11/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Võ Công M phải nộp 252.000.000 đồng, bị cáo Bùi Ngọc Diệu H2 phải nộp 10.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng của gia đình bị cáo Võ Công M khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án.

(Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 20/8/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Q).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự :

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng; số Imei: 354868094290790 của bị cáo Võ Công M.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/8/2024 giữa Công an tỉnh Q và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Võ Công M, Bùi Ngọc Diệu H2 và Trần P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 21/11/2024); bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu án văn, HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lê Thị Mỹ Giang